

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

ĐBC
CỘNG
CƠ T
HỆ T
LƯU



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tử Giang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Đặng Thế Hương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
Ông Lê Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Lê Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2015)
Ông Đào Đỗ Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ông Phan Tử Giang
Chủ tịch và đại diện cho Ban Giám đốc, *MT*



Lê Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 02 năm 2016

344
TY
HAI
HAI
JAU
TAU

121
HI
COP
YNN
SL
IE
-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.548.528.293.634	1.728.208.585.237
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	479.440.036.807	1.013.571.500.908
1. Tiền	111		479.440.036.807	721.151.500.908
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	292.420.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251.336.885.551	523.723.091.967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.334.433.214	46.347.231.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	193.901.843.094	396.659.688.842
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	48.087.654.653	80.703.216.846
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.954.590	12.954.590
III. Hàng tồn kho	140	9	811.658.576.347	188.153.143.116
1. Hàng tồn kho	141		811.658.576.347	188.153.143.116
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.092.794.929	2.760.849.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.020.111.029	2.613.051.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	2.454.686.460	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.617.997.440	147.797.706
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		682.223.177.998	825.445.756.432
I. Tài sản cố định	220		545.354.829.477	681.067.142.108
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	542.725.655.534	675.500.162.632
- Nguyên giá	222		1.279.066.327.200	1.270.600.105.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(736.340.671.666)	(595.099.943.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.629.173.943	5.566.979.476
- Nguyên giá	228		41.132.298.145	41.132.298.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.503.124.202)	(35.565.318.669)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	4.089.971.250
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	4.089.971.250
III. Tài sản dài hạn khác	260		136.868.348.521	140.288.643.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	133.594.948.521	134.951.849.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	3.273.400.000	5.336.793.547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.230.751.471.632	2.553.654.341.669

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ


65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.760.515.856.260	2.129.411.040.597
I. Nợ ngắn hạn	310		1.174.411.407.163	1.418.518.634.250
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	287.007.785.471	113.841.943.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	51.749.701.303	211.068.967.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	6.932.885.183	33.216.442.758
4. Phải trả người lao động	314		13.156.471.863	10.374.113.848
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	31.586.189.874	70.566.600.192
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	18	197.744.149	418.116.435.521
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	25.665.405.886	61.294.069.986
8. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	20	755.727.413.838	497.272.490.713
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.387.809.596	2.767.569.596
II. Nợ dài hạn	330		586.104.449.097	710.892.406.347
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	16	-	46.904.215.050
2. Vay và nợ tài chính dài hạn	338	21	586.104.449.097	663.988.191.297
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		470.235.615.372	424.243.301.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	460.460.146.238	421.776.250.374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lỗi lũy kế	421		(137.035.445.225)	(175.719.341.089)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(175.719.341.089)	(195.917.007.073)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		38.683.895.864	20.197.665.984
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		9.775.469.134	2.467.050.698
1. Nguồn kinh phí	431		9.328.527.263	913.634.286
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		446.941.871	1.553.416.412
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.230.751.471.632	2.553.654.341.669


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kê toán trưởng


Lê Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 02 năm 2016





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		2.289.576.743.912	1.049.107.123.771
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.654.801.189
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	25	2.289.576.743.912	1.047.452.322.582
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	26	2.095.994.885.445	930.865.472.903
5. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		193.581.858.467	116.586.849.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	10.947.608.082	15.962.783.798
7. Chi phí tài chính	22	29	127.250.765.522	67.759.911.126
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.925.809.380	62.192.729.343
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	30.672.938.546	29.737.604.659
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		46.605.762.481	35.052.117.692
10. Thu nhập khác	31		1.787.069.857	4.364.705.320
11. Chi phí khác	32		7.645.542.927	16.278.790.493
12. Lỗ khác (40=31-32)	40	31	(5.858.473.070)	(11.914.085.173)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.747.289.411	23.138.032.519
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	2.063.393.547	2.940.366.535
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		38.683.895.864	20.197.665.984
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	650	340

6844 C
 TY
 IAN
 AN KHU
 KHÍ
 BÀ RI


 Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng


 Lê Hùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 02 năm 2016


126
 HI N
 ON
 NH
 L
 IET
 TF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.747.289.411	23.138.032.519
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	143.088.292.180	143.857.624.701
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	24.131.866.262	2.376.643.134
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.579.295.077)	(11.193.583.969)
Chi phí lãi vay	06	65.925.809.380	62.192.729.343
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	271.313.962.156	220.371.445.728
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	268.404.539.637	(352.469.138.672)
Tăng hàng tồn kho	10	(623.505.433.231)	(180.406.508.756)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(509.994.128.444)	280.024.409.614
Giảm chi phí trả trước	12	4.245.856.192	5.486.210.537
Tiền lãi vay đã trả	14	(103.772.532.787)	(24.460.375.322)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.000.847.141	913.634.286
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.965.714.164)	(34.157.198.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(685.272.603.500)	(84.697.520.886)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.651.858.292)	(14.866.396.239)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.579.295.077	11.193.583.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.072.563.215)	(3.672.812.270)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.556.011.081.196	360.905.027.704
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.397.312.844.758)	(24.384.852.704)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(799.418.800)	(1.372.455.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	157.898.817.638	335.147.719.700
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(534.446.349.077)	246.777.386.544
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.013.571.500.908	766.437.653.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	314.884.976	356.460.661
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	479.440.036.807	1.013.571.500.908


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ
BÀ RI - VŨNG TÀU
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 18 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 695 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 719 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa các loại giàn khoan khai thác dầu khí, phương tiện nổi, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty tương ứng theo thời gian thực hiện việc đóng mới và sửa chữa, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian 1 đến 3 năm cho việc đóng mới và không quá 12 tháng cho dịch vụ sửa chữa.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

350
CỔ
CỔ
HỆ TẮC
DỊ
VGTÀU

HA
...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

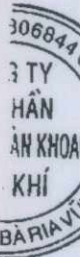
Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Khác	3

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ, dụng cụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem thuyết minh dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

44 C
Y
AN
AN K
AU KI
AUB

12 C
H
UHA
E
CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	866.303.485	3.054.338.539
Tiền gửi ngân hàng	478.573.733.322	718.097.162.369
Các khoản tương đương tiền	-	292.420.000.000
	<u>479.440.036.807</u>	<u>1.013.571.500.908</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	37.434.060.682
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	2.831.016.136	571.150.961
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa dầu Khí	1.579.742.000	1.579.742.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	1.052.522.520	519.201.370
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung	2.675.415.087	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.195.737.471	6.243.076.676
	<u>9.334.433.214</u>	<u>46.347.231.689</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
National Oilwell Varco L.P.638	166.045.059.062	309.468.285.000
S-ONE M&O Co., Ltd.	-	7.012.640.000
Italgru S.R.L	-	16.865.640.000
Jackup Structures Alliance, Inc.	-	39.132.004.214
Dril-quip Asia Pacific Pte Ltd	5.928.725.192	-
Nhà cung cấp khác	21.928.058.840	24.181.119.628
	<u>193.901.843.094</u>	<u>396.659.688.842</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện các khoản trả trước đối với Hợp đồng mua thiết bị phục vụ cho Dự án Tam Đảo 05 của Công ty

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.372.977.812	3.110.838.719
Ký cược, ký quỹ	-	36.591.902.968
Phải thu khác		
- Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu	381.216.946	20.993.569.199
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (*)	15.412.679.160	16.172.060.520
- Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	28.261.130.481	-
- Đối tượng khác	2.659.650.254	3.834.845.440
	<u>48.087.654.653</u>	<u>80.703.216.846</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Phải thu ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

(**) Phải thu ngắn hạn từ Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu là khoản thuế giá trị gia tăng nhập khẩu của thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án Tam Đảo 05 đề nghị hoàn. Khoản thuế này sẽ được hoàn lại tại ngày kết thúc dự án.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng đi đường	143.616.226.536	13.525.927.987
Nguyên liệu, vật liệu	662.157.063.174	167.267.280.981
Công cụ và dụng cụ	5.830.332.274	7.359.934.148
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.954.363	-
	<u>811.658.576.347</u>	<u>188.153.143.116</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	624.507.299	2.255.329.507
Các khoản khác	1.395.603.730	357.722.033
	<u>2.020.111.029</u>	<u>2.613.051.540</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất (*)	125.732.014.960	128.813.572.156
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.125.198.590	3.943.711.123
Các khoản khác	2.737.734.971	2.194.566.248
	<u>133.594.948.521</u>	<u>134.951.849.527</u>

(*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT - PVSĐ ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số ghi nhận tăng/phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	61.191.400.196	(58.736.713.736)	2.454.686.460
Thuế nhập khẩu	147.797.706	(52.085.251.324)	53.555.451.058	1.617.997.440
	<u>147.797.706</u>	<u>9.106.148.872</u>	<u>(5.181.262.678)</u>	<u>4.072.683.900</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	31.015.055.792	2.661.233.516	(33.121.918.541)	554.370.767
Thuế thu nhập cá nhân	474.430.936	9.790.768.407	(8.687.082.557)	1.578.116.786
Thuế nhà thầu	1.724.956.030	24.438.977.765	(22.755.394.641)	3.408.539.154
Thuế khác	2.000.000	1.441.358.476	(51.500.000)	1.391.858.476
	<u>33.216.442.758</u>	<u>38.332.338.164</u>	<u>(64.615.895.739)</u>	<u>6.932.885.183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2015	737.423.602.480	114.542.188.634	397.256.138.844	9.265.359.411	3.850.699.617	8.262.116.763	1.270.600.105.749
Tăng trong năm	132.554.046	5.509.213.919	260.785.000	785.944.550	-	-	6.688.497.515
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	143.088.874	-	-	-	-	1.634.635.062	1.777.723.936
Tại ngày 31/12/2015	737.699.245.400	120.051.402.553	397.516.923.844	10.051.303.961	3.850.699.617	9.896.751.825	1.279.066.327.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2015	355.301.683.452	68.211.588.552	152.127.827.929	8.048.306.369	3.256.403.363	8.154.133.452	595.099.943.117
Khấu hao trong năm	89.059.525.836	16.979.998.220	34.097.720.862	766.639.199	131.121.744	205.722.688	141.240.728.549
Tại ngày 31/12/2015	444.361.209.288	85.191.586.772	186.225.548.791	8.814.945.568	3.387.525.107	8.359.856.140	736.340.671.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2015	<u>293.338.036.112</u>	<u>34.859.815.781</u>	<u>211.291.375.053</u>	<u>1.236.358.393</u>	<u>463.174.510</u>	<u>1.536.895.685</u>	<u>542.725.655.534</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>382.121.919.028</u>	<u>46.330.600.082</u>	<u>245.128.310.915</u>	<u>1.217.053.042</u>	<u>594.296.254</u>	<u>107.983.311</u>	<u>675.500.162.632</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 56.031.854.530 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.273.489.965 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm hình thành từ nguồn kinh		Tổng VND
	Phân mềm vi tính VND	phí sự nghiệp VND	
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015	17.966.543.935	23.165.754.210	41.132.298.145
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	13.358.684.617	22.206.634.052	35.565.318.669
Khấu hao trong năm	1.978.685.375	959.120.158	2.937.805.533
Tại ngày 31/12/2015	15.337.369.992	23.165.754.210	38.503.124.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	2.629.173.943	-	2.629.173.943
Tại ngày 31/12/2014	4.607.859.318	959.120.158	5.566.979.476

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 35.269.773.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 28.880.566.575 đồng).

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	10%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.273.400.000	5.348.719.712
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.273.400.000	5.348.719.712
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	10%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	(11.926.165)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(11.926.165)
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	11.926.165
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.273.400.000	5.336.793.547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 99.088.017.169 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sau điều chỉnh thanh tra thuế: 145.996.960.430 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 16.367.000.000 đồng với mức thuế suất 20%, là khoản lỗ có thể được khấu trừ trong tương lai với lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05.

Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ là 82.721.017.169 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Posh Teresa Offshore Pte Ltd	29.668.230.145	29.668.230.145	-	-
Lenn International Pte Ltd	19.692.582.433	19.692.582.433	-	-
National Oilwell Varco LP #638	29.971.510.128	29.971.510.128	-	-
Abnormal Load Engineering Ltd	14.529.726.000	14.529.726.000	-	-
Semco Maritime Pte Ltd	9.016.000.000	9.016.000.000	-	-
Italgru S.R.L	8.925.840.000	8.925.840.000	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Kim	8.698.833.000	8.698.833.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải biển Hải Vân	7.233.655.000	7.233.655.000	-	-
Gaylin International Pte Ltd	6.942.320.000	6.942.320.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	6.145.120.814	6.145.120.814	-	-
Velocity Energy Pte Ltd	-	-	9.067.663.549	9.067.663.549
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	-	-	7.654.299.400	7.654.299.400
Công ty Cổ phần Lilama 18	-	-	6.073.864.720	6.073.864.720
Công ty TNHH Chiến Hưng	-	-	6.336.970.444	6.336.970.444
Sierom 2SA	-	-	9.646.172.241	9.646.172.241
Phải trả cho các đối tượng khác	146.183.967.951	146.183.967.951	75.062.973.557	75.062.973.557
	287.007.785.471	287.007.785.471	113.841.943.911	113.841.943.911

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN/ DÀI HẠN

Trong năm 2013, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro ("Vietsovpetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Vietsovpetro. Khoản tạm ứng này được căn trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo được quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovpetro chưa được căn trừ. Khoản người mua trả tiền trước sẽ được căn trừ hết vào năm 2016, khi dự án Tam Đảo 05 hoàn thành.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.947.431.370	60.794.154.777
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2)	7.018.078.517	7.018.078.517
Chi phí khác	1.620.679.987	2.754.366.898
	31.586.189.874	70.566.600.192

18. PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	197.744.149	418.116.435.521
	197.744.149	418.116.435.521
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	3.094.301.261.522	869.002.502.649
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	3.094.499.005.671	1.287.118.938.170
	(197.744.149)	(418.116.435.521)

500806
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO GIÀN
DẦU KHÍ
T.ÁUT. B.À

T.ÁUT. B.À
M.S.C.K.01
H.ÁUT. B.À

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả cổ tức	19.674.255.400	20.473.674.200
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	35.016.871.164
Phải trả khác	5.991.150.486	5.803.524.622
	<u>25.665.405.886</u>	<u>61.294.069.986</u>

20. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014		Trong năm			31/12/2015	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	336.700.232.913	336.700.232.913	1.556.011.081.196	(1.275.856.844.758)	616.854.469.351	616.854.469.351	
Nợ dài hạn tới hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	160.572.257.800	160.572.257.800	77.883.742.200	(121.456.000.000)	117.000.000.000	117.000.000.000	
Chênh lệch tỷ giá			21.872.944.487		21.872.944.487	21.872.944.487	
	<u>497.272.490.713</u>	<u>497.272.490.713</u>	<u>1.655.767.767.883</u>	<u>(1.397.312.844.758)</u>	<u>755.727.413.838</u>	<u>755.727.413.838</u>	

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng sau:

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 65/2014 ngày 26 tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng trong đương 750 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 9 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05 và chịu lãi suất trong hạn là 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 003/2015/HĐHM-PN/SHB.130800 ký kết trong tháng 01 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 20 triệu Đô la Mỹ. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 04, đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-PVShipyard ký kết trong tháng 3 năm 2015 và phụ lục hợp đồng với hạn mức tín dụng tương đương 970 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

21. VAY DÀI HẠN

	31/12/2014		Trong năm			31/12/2015	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	663.988.191.297	663.988.191.297	-	(77.883.742.200)	586.104.449.097	586.104.449.097	



CH
C
CH
DE
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcomBank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVcomBank đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty và PVcomBank đã ký bổ sung phụ lục của hai hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD. Theo đó, khoản nợ đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được trả vào năm 2015, khoản nợ gốc còn lại sẽ được trả trong 19 kỳ (6 tháng một lần) bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 tới ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	117.000.000.000	160.572.257.800
Trong năm thứ hai	78.000.000.000	78.116.257.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	234.000.000.000	234.348.773.400
Sau năm năm	274.104.449.097	351.523.160.097
	<u>703.104.449.097</u>	<u>824.560.449.097</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại Thuyết minh số 20)	(117.000.000.000)	(160.572.257.800)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>586.104.449.097</u>	<u>663.988.191.297</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	594.897.870.000	2.597.721.463	(195.917.007.073)	401.578.584.390
Lợi nhuận trong năm			20.197.665.984	20.197.665.984
Số dư tại ngày 31/12/2014	594.897.870.000	2.597.721.463	(175.719.341.089)	421.776.250.374
Lợi nhuận trong năm	-	-	38.683.895.864	38.683.895.864
Số dư tại ngày 31/12/2015	594.897.870.000	2.597.721.463	(137.035.445.225)	460.460.146.238

Cổ phần

	31/12/2015 Cổ phần	31/12/2014 Cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 và 31/12/2014		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Các cổ đông khác	52,03	30.943.587	309.435.870.000
	100	59.489.787	594.897.870.000

Theo Nghị quyết số 021/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2015, các Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 61.918.213 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng cho cổ đông chiến lược là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu Thủy Dung Quất tương đương 51% vốn điều lệ và quyền chi phí phối. Việc tăng vốn được dự kiến thực hiện trong năm 2016.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	6.657.372,71	11.747.504,69
Đồng Euro	102,04	1.084,56

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	2.225.298.758.873	973.304.785.279
Hợp đồng sửa chữa khác	40.769.381.328	65.952.245.974
Dịch vụ khác	23.508.603.711	9.850.092.518
	<u>2.289.576.743.912</u>	<u>1.049.107.123.771</u>
Giảm trừ doanh thu - Giảm giá dịch vụ cung cấp	-	(1.654.801.189)
	<u><u>2.289.576.743.912</u></u>	<u><u>1.047.452.322.582</u></u>

26. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	2.060.483.430.864	886.962.606.436
Hợp đồng sửa chữa khác	27.211.268.623	43.255.153.376
Dịch vụ khác	8.300.185.958	647.713.091
	<u>2.095.994.885.445</u>	<u>930.865.472.903</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.364.014.533.641	369.117.582.926
Chi phí nhân công	180.188.211.512	176.415.084.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.004.905.468	143.857.624.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.754.658.504	257.174.445.332
Chi phí khác	22.705.514.866	30.641.714.385
	<u>2.126.667.823.991</u>	<u>977.206.452.257</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.579.295.077	11.193.583.969
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.368.313.005	4.769.199.829
	<u>10.947.608.082</u>	<u>15.962.783.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	65.925.809.380	62.192.729.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	61.324.956.142	5.567.181.783
	<u>127.250.765.522</u>	<u>67.759.911.126</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lương	24.583.544.655	23.628.927.855
Chi phí khác	6.089.393.891	6.108.676.804
	<u>30.672.938.546</u>	<u>29.737.604.659</u>

31. LỖ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập khác	1.787.069.857	4.364.705.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	634.091.949	7.698.962.004
Chi phí khác	7.011.450.978	8.579.828.489
Chi phí khác	7.645.542.927	16.278.790.493
Lỗ khác	<u>(5.858.473.070)</u>	<u>(11.914.085.173)</u>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.063.393.547	2.940.366.535
	<u>2.063.393.547</u>	<u>2.940.366.535</u>

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí và các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành là 22%.

806.
NG T
PH
DẦU
TÀU011
CHI
CẾ
CH
DE
VII

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm, Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.683.895.864	20.197.665.984
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	650	340

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, vốn khác của chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	1.341.831.862.935	1.161.260.682.010
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	479.440.036.807	1.013.571.500.908
Nợ thuần	862.391.826.128	147.689.181.102
Vốn góp của chủ sở hữu	460.460.146.238	421.776.250.374
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,87	0,35

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.440.036.807	1.013.571.500.908
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.787.979.574	87.347.706.848
Ký quỹ	-	36.591.902.968
Tổng cộng	507.228.016.381	1.137.511.110.724
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	312.673.066.357	174.673.911.655
Các khoản vay	1.341.831.862.935	1.161.260.682.010
Chi phí phải trả	31.586.189.874	70.566.600.192
Tổng cộng	1.686.091.119.166	1.406.501.193.857

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	149.459.780.823	616.937.592.568	812.074.087.935	-
Đô la Singapore (SGD)	-	-	25.745.753	-
Bảng Anh (GPB)	-	-	5.380.048.481	-
Đồng Euro (EUR)	7.684.916.299	20.550.249.936	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Đồng Euro, Bảng Anh và Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (2014: 2%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% (2014: 2%) được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% (2014: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

19 TAU * * * AI * SDK *
 202
 NH
 Y
 UH
 TE
 IM
 5CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2015		2014	
	VND		VND	
	Tăng 5%	Giảm 5%	Tăng 2%	Giảm 2%
Đô la Mỹ (USD)	(33.130.715.356)	33.130.715.356	12.338.751.851	(12.338.751.851)
Đô la Singapore (SGD)	(1.287.288)	1.287.288	-	-
Bảng Anh (GPB)	(269.002.424)	269.002.424	-	-
Đồng Euro (EUR)	384.245.815	(384.245.815)	411.004.999	(411.004.999)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay từ các Ngân hàng thương mại. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng/giảm các khoản trong ứng như sau

	Tăng/(Giảm) số	Ảnh hưởng đến lợi
	điểm cơ bản	nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	100	13.418.318.629
	(100)	(13.418.318.629)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	100	11.612.606.820
	(100)	(11.612.606.820)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.440.036.807	-	-	479.440.036.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.787.979.574	-	-	27.787.979.574
Tổng cộng	507.228.016.381	-	-	507.228.016.381
Phải trả người bán và phải trả khác	312.673.066.357	-	-	312.673.066.357
Các khoản vay	755.727.413.838	312.000.000.000	274.104.449.097	1.341.831.862.935
Chi phí phải trả	31.586.189.874	-	-	31.586.189.874
Tổng cộng	1.099.986.670.069	312.000.000.000	274.104.449.097	1.686.091.119.166
Chênh lệch thanh khoản thuần	(592.758.653.688)	(312.000.000.000)	(274.104.449.097)	(1.178.863.102.785)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.013.571.500.908	-	-	1.013.571.500.908
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.347.706.848	-	-	87.347.706.848
Các khoản ký quỹ	36.591.902.968	-	-	36.591.902.968
Tổng cộng	1.137.511.110.724	-	-	1.137.511.110.724
Phải trả người bán và phải trả khác	174.673.911.655	-	-	174.673.911.655
Các khoản vay	497.272.490.713	312.465.031.200	351.523.160.097	1.161.260.682.010
Chi phí phải trả	70.566.600.192	-	-	70.566.600.192
Tổng cộng	742.513.002.560	312.465.031.200	351.523.160.097	1.406.501.193.857
Chênh lệch thanh khoản thuần	394.998.108.164	(312.465.031.200)	(351.523.160.097)	(268.990.083.133)

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ các khoản vay ngắn hạn từ các Ngân hàng thương mại, được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ dự án Tam Đảo 05 phát sinh trong năm 2016, và các khoản nợ dài hạn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam với thời hạn trả nợ dài hạn đến năm 2024 và được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm sau nên Công ty đánh giá mức rủi ro tính thanh khoản thuần ở mức độ thấp.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam Cổ đông
 Liên doanh Dầu khí Việt-Xô Cổ đông

0684
 CÔNG TY
 HẠN
 AN KHO
 KHÍ
 BÀ RỊA

112600
 CHI NHÁ
 CÔNG T
 NHẬN H
 ELOIT
 VIỆT NA
 TP. HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng		
Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	2.225.298.758.873	977.079.665.279

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lương và thưởng	4.401.748.154	5.004.557.056
	<u>4.401.748.154</u>	<u>5.004.557.056</u>

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm khoản tiền 22.947.431.370 đồng (năm 2014: 60.794.154.777 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Phải thu ngắn hạn khác	135	41.000.475.159	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	80.703.216.846	Phân loại lại
2. Không có chi tiền tương ứng			2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	12.954.590	Phân loại lại và đổi tên
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	39.715.696.277	3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	257.993.182.473	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	211.068.967.725	Phân loại lại
2. Không có chi tiền tương ứng			2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	46.904.215.050	Phân loại lại và đổi tên

SỐ CHỨNG THỰC BAN SAU DÙNG VỚI BAN CHỈNH
 Số chứng thực 7649 quyển số 01/2016-SCT/BS

38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 18 tháng 02 năm 2016.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 3
 NGUYỄN VĂN QUANG
 KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
 LÊ VĂN BÀ
 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Ngày 18 tháng 02 năm 2016